

Số: **152/2025/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 101/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị H, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh Dương Văn H1, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và anh Dương Văn H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2018 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H (nay là xã T), tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 20/11/2018 cho chị Trần Thị H và Dương Văn H1 không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 02 con chung là Dương Bích N, sinh ngày 19/10/2017 và

Dương Tuấn H2, sinh ngày 06/9/2019 cho anh Dương Văn H1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Trần Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương Bích N, sinh ngày 19/10/2017 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 10 năm 2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; nuôi cháu Dương Tuấn H2, sinh ngày 06/9/2019 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 10 năm 2025 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; phương thức định kỳ hàng tháng. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án”.

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Các đương sự đều là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV2-TQ;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Minh Ngọc